TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02 /2022/QĐST-HNGĐ	*Hà Tĩnh, ngày 20 tháng 01 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thị Hạnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 113/2021/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2021 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn"* theo Thông báo về việc mở lại phiên họp số 01/2022/TB - TA ngày 07/01/2022 bao gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

1. Anh Trần Quốc V, SN 1990; HKTT: Thôn S, xã T (Nay là xã H), Huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).

2. Chị Trần Thị V; SN 1990; Địa chỉ trước khi xuất cảnh xã T (Nay là xã H) huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tự do tại Thái Lan. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Tại bản tự khai, đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Trần Quốc V và chị Trần Thị V đều trình bày thống nhất như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc V và chị Trần Thị V kết hôn hợp pháp với nhau vào 03/6/2013 tại UBND xã T, (Nay là xã H) huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh. Việc kết hôn được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị V phải sang Thái Lan làm ăn. Đến tháng 8/2018, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, mỗi người một quan điểm, một cách nghĩ khác nhau, thiếu sự quan tâm và yêu thương nhau. Vợ chồng đã sống cách xa nhau trong khoảng 5 năm nay, hiện tại mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm tới ai và không còn dành tình cảm cho nhau, mục đích, tình yêu hôn nhân không

tồn tại. Vì vậy, cả hai đều làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn và ghi nhận sự thỏa thuận của vợ chồng về con chung và tài sản chung sau ly hôn.

Về quan hệ con chung: Quá trình hôn nhân anh Trần Quốc V và chị Trần Thị V có 02 con chung: Cháu Trần Thị Nhật V, sinh ngày 28/10/2013; Cháu Trần Thị Diệp L, sinh ngày 29/10/2015. Khi ly hôn anh Trần Quốc V và chị Trần Thị V đã thống nhất về việc nuôi dưỡng các con chung đề nghị Tòa án ghi nhận như sau: Anh Trần Quốc V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con Trần Thị Nhật V, sinh ngày 28/10/2013 đến tuổi trưởng thành; Chị Trần Thị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con Trần Thị Diệp L, sinh ngày 29/10/2015 đến tuổi trưởng thành, trong thời gian chị V đang lao động tại Thái Lan tạm giao cháu Diệp L cho ông ngoại là ông Trần Quốc M chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung:

+ Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh Trần Quốc V và chị Trần Thị V tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 73, tờ bản đồ số 11, đất ở nông thôn, diện tích 284 m^2 tại thôn S, xã T, huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã H, huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 037733 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 07/10/2014 mang tên Trần Quốc V và Trần Thị V.

Khi ly hôn anh Trần Quốc V và chị Trần Thị V đã thỏa thuận thống nhất về tài sản đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận cụ thể như sau: Giao quyền quản lý, sử dụng thửa đất và tài sản trên đất số 73, tờ bản đồ 11, địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh, Giấy CNQSD đất số BT 037733 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 07/10/2014 mang tên Trần Quốc V và Trần Thị Vcho anh Trần Quốc V có toàn quyền sở hữu, sử dụng. Anh Trần Quốc V có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho riêng anh Vũ.

+ Về nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai cũng không ai vay nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Trần Thị V có đơn yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và uỷ quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ giải quyết việc ly hôn cho anh Trần Quốc V (chồng); Chị Trần Thị Vcũng có đơn từ chối nhận tài sản và giao lại toàn bộ tài sản cho anh V quản lý sử dụng. Ngoài ra, chị V còn có Đơn ủy quyền cho ông Trần Quốc M(bố đẻ) nhận con (cháu Trần Thị Diệp L) chăm sóc, nuôi dưỡng. Tài liệu văn bản chị Trần Thị V gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh từ Thái Lan đã được trưng cầu giám định và kết luận tính chính xác theo kết luận giám định số 04/PC 09 - NTT ngày 05/01/2022 của Phòng kỷ thuật hình sự công an tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự, phân tích nội dung vụ

việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Theo thông tin của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an số 23984/QLXNC-P5 về việc cung cấp thông tin xuất nhập cảnh thì chị Trần Thị V đã xuất, nhập cảnh 4 lần, lần gần đây nhất nhập cảnh ngày 21/6/2016 chưa có thông tin xuất cảnh. Ngày 29/12/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận được phong thư chị Trần Thị V gửi về từ Thái Lan. Nội dung gồm có Đơn trình bày về việc hiện tại chị đang sống tại Thái Lan, Đơn lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết vụ án và văn bản bằng tiếng Thái có xác nhận của chính quyền Thái Lan. Tài liệu chị V gửi về bằng tiếng Thái Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh dịch thuật qua Trung tâm dịch thuật Sở ngoại vụ tỉnh Hà Tĩnh, xác nhận nội dung *"Chị Trần Thị V, sinh ngày 09/6/1990, chứng minh thư nhân dân số 184259222, Nơi sinh: Xóm 4, xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An hiện đang sống tại số nhà 63/175 xóm 6, xã Lam Luk Ka, huyện Lam Luk Ka, tỉnh Pathum Thani, Thái Lan, chủ nhà là chị Somboon Chanok"*. Ngoài ra, chị Trần Thị Vcó đơn trình bày về lý do bị mất hộ chiếu nên không khai báo thông tin nhập cảnh vào Thái Lan, nội dung đơn này đã được giám định kết luận tính chính xác theo kết luận giám định số 04/PC 09 - NTT ngày 05/01/2022 của Phòng kỷ thuật hình sự công an tỉnh Hà Tĩnh.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định chị Trần Thị V, HKTT tại Thôn S, xã T, huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh hiện đang lao động tự do tại Thái Lan nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ luật TTDS năm 2015. Chị Trần Thị V có đơn yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho anh Trần Quốc V (chồng) để giải quyết việc ly hôn. Quá trình giải quyết việc hôn nhân Tòa án cũng đã tiến hành xác minh lấy ý kiến trình bày của chị Trần Thị Vqua cuộc gọi bằng hình ảnh có sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương và đại diện gia đình ông Trần Quốc M(bố đẻ), anh Trần Quốc T (em trai), anh Trần Quốc V (chồng) chị V (bl 46, 47). Nội dung trình bày của chị V phù hợp nội dung chị đã trình bày tại các văn bản gửi về cho Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở

phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt chị Trần Thị Vtheo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc V và chị Trần Thị Vđã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào ngày 03/6/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã H) huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của anh Trần Quốc V và chị Trần Thị V hạnh phúc được thời gian đầu thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hai bên có sự khác biệt về suy nghĩ, thiếu sự quan tâm và chia sẽ lẫn nhau. Vợ chồng sống cách xa nhau nên không có điều kiện để hàn gắn mâu thuẫn, tình cảm phai nhạt dần. Hiện tại, anh Vũ và chị V đều tự nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ này nên đều làm đơn đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện ly hôn.

Xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng cuộc hôn nhân của anh Trần Quốc V và chị Trần Thị V không đạt được mục đích đó.

Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 quy định "Vợ, chồng hoặc cả hai có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn" (khoản 1 Điều 51); "Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con thì Tòa án công nhận thuận tình ly hôn...."(Điều 55).

Như vậy, anh Trần Quốc V và chị Trần Thị V đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.2] Quan hệ con chung: Anh Trần Quốc V và chị Trần Thị Vcó 02 con chung: Cháu Trần Thị Nhật V, sinh ngày 28/10/2013; Cháu Trần Thị Diệp L, sinh ngày 29/10/2015; Khi ly hôn anh Trần Quốc V và chị Trần Thị V đã thống nhất về việc nuôi dưỡng các con chung đề nghị Tòa án ghi nhận: Anh Trần Quốc V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con Trần Thị Nhật V, sinh ngày 28/10/2013 đến tuổi trưởng thành; Chị Trần Thị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con Trần Thị Diệp L, sinh ngày 29/10/2015 đến tuổi trưởng thành, trong thời gian chị V đang lao động tại Thái Lan tạm giao cháu Diệp L cho ông ngoại là ông Trần Quốc M chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở. Xét thấy, cháu Trần Thị Nhật V hiện đang sống cùng anh Trần Quốc V và đang học lớp 3 trường Tiểu học T, xã H, huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh; tại Đơn trình bày nguyện vọng (bl 48) cháu có nguyện vọng sống cùng bố Trần Quốc V. Tại biên bản lấy lời khai ông Trần Quốc M (bl 39, 40), ông cho

biết cháu Trần Thị Diệp L đã sống cùng ông bà ngoại từ khi mẹ đi Thái Lan, hiện cháu đang học lớp 1 Trường Tiểu học D, huyện C, tỉnh Nghệ An; trong suốt thời gian cháu sống cùng ông bà luôn chăm sóc và dành tình cảm cho cháu, nên khi vợ chồng V – V ly hôn ông mong muốn được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu trong thời gian chị Trần Thị V đang ở Thái Lan, ông đảm bảo điều kiện về sức khỏe, thời gian, tinh thần, vật chất để cháu có cuộc sống ổn định. Xét sự thỏa thuận của các bên cũng như căn cứ điều kiện hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng của các bên là phù hợp. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống thường ngày của các cháu cần căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận sự thỏa thuận tự nguyện của các bên đương sự về việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung sau ly hôn như trên.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

+ Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh Trần Quốc V và chị Trần Thị V tạo lập được tài sản chung là thửa đất số 73, tờ bản đồ số 11, đất ở nông thôn, diện tích 284 m^2 tại thôn S, xã T, huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh (Nay là xã T, huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 037733 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 07/10/2014 mang tên Trần Quốc V và Trần Thị V. Tòa án đã tiến hành xác minh đối với tài sản chung vợ chồng (bl 45) xác định tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng chung hợp pháp của vợ chồng anh Trần Quốc V và chị Trần Thị V, hiện tại không có tranh chấp. Anh Trần Quốc V và chị Trần Thị Vđều có văn bản đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận về tài sản cụ thể: Giao quyền quản lý, sử dụng thửa đất và tài sản trên đất số 73, tờ bản đồ 11, địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh, Giấy CNQSD đất số BT 037733 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 07/10/2014 mang tên Trần Quốc V và Trần Thị V cho anh Trần Quốc V có toàn quyền sở hữu, sử dụng. Anh Trần Quốc V có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho riêng anh Vũ. Xét thấy, thỏa thuận giữa vợ chồng là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật, do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận của vợ chồng về tài sản.

+ Về nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai cũng không ai vay nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, đúng pháp luật, không vi phạm điều cấm. Mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn của họ để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới tốt đẹp hơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 55, 59, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, các Điều 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015; Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Quốc V và chị Trần Thị V

2. Quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện giữa anh Trần Quốc V và chị Trần Thị V về con chung như sau: Anh Trần Quốc V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Trần Thị Nhật V, sinh ngày 28/10/2013 đến tuổi trưởng thành; Chị Trần Thị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Trần Thị Diệp L, sinh ngày 29/10/2015 đến tuổi trưởng thành, trong thời gian chị V đang lao động tại Thái Lan tạm giao cháu Diệp L cho ông ngoại là ông Trần Quốc M chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai bên không bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm, cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

+ Về tài sản chung: Ghi nhận sự thỏa thuận tự nguyện giữa anh Trần Quốc V và chị Trần Thị V về tài sản như sau: Giao quyền quản lý, sử dụng thửa đất và tài sản trên đất số 73, tờ bản đồ 11, địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Th, tỉnh Hà Tĩnh, Giấy CNQSD đất số BT 037733 do Ủy ban nhân dân huyện Th cấp ngày 07/10/2014 mang tên Trần Quốc V và Trần Thị Vcho anh Trần Quốc V có toàn quyền sở hữu, sử dụng. Anh Trần Quốc V có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên cho riêng anh Vũ theo quy định pháp luật.

+ Về nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai cũng không ai vay nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh Trần Quốc V (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000008 ngày 07/10/2021 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

6. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Nơi nhận
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Tân Lâm Hương;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Thương Huyền